

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quế Anh

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm Đình L, xã Nam H, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Mã bưu điện 321-3223, số nhà 102, tòa nhà MHeights A, đường 20, khu dân cư số 10, khu phố số 3, phường Kiyoharadai, thành phố Utsunomiya, tỉnh Tochigi, Nhật Bản; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm Đình L, xã Nam H, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Mã bưu điện 273-0021, số nhà 208, tòa nhà Junfuso, đường số 8, khu dân cư 29, khu phố số 6, phường Kaijin, thành phố Funabashi, tỉnh Chiba, Nhật Bản; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phan Văn Q, sinh năm 1960;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ cư trú: Xóm 2, xã Minh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn trình bày xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản), nguyên đơn Chị Phan Thị H trình bày:

Ngày 04 tháng 10 năm 2015, chị và Anh Nguyễn Sỹ T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, anh T đi xuất khẩu lao động tại nước Nhật Bản. Đến tháng 9/2018 chị cũng đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản để sinh sống và làm việc cùng anh T. Chị và anh T chung sống với nhau tại Nhật Bản đến tháng 12/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện tại, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Sỹ T.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Sỹ T có 01 con chung là Nguyễn Sỹ Kh, sinh ngày 23/01/2016. Hiện cháu Kh đang được bố mẹ của chị là ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng tại Việt Nam. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu Anh Nguyễn Sỹ T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến lúc con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phan Thị H đang cư trú tại Nhật Bản, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chị không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Xã Thịnh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Theo bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản), bị đơn Anh Nguyễn Sỹ T trình bày:

Ngày 04 tháng 10 năm 2015, anh và Chị Phan Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, anh đi xuất khẩu lao động tại nước Nhật Bản. Đến tháng 9/2018, chị H cũng đi sang Nhật Bản để sinh sống và làm việc cùng anh cho đến tháng 12/2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Do đó, anh và chị H đã ly thân cho đến nay, mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay anh tự xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H nộp đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị Phan Thị H có 01 con chung là Nguyễn Sỹ Kh, sinh ngày 23/01/2016. Nếu ly hôn, anh và chị H thỏa thuận giao con chung cho Chị Phan Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến lúc con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Sỹ T đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, do dịch bệnh diễn biến phức tạp nên anh không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Xã Thịnh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị L:

Ông bà là bố mẹ của chị Phan Thị H còn Anh Nguyễn Sỹ T là con rể của ông bà. Năm 2017, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản được một thời gian thì đến tháng 9/2018, chị H cùng sang lao động tại Nhật Bản với anh Tú. Trước khi đi Nhật Bản, chị H có gửi cháu Nguyễn Sỹ Kh, sinh năm 2016 là con chung của vợ chồng cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị H và anh Tú ly hôn và thỏa thuận giao con cho chị H nuôi thì ông bà không có ý kiến gì, vì đây là quyết định của các con. Tuy nhiên, hiện nay chị H đang đi làm ăn xa ở nước ngoài nên chị H có nhờ ông bà trông nom, nuôi dưỡng cháu Kh thì ông bà đồng ý. Ông bà cam kết khi chị H về Việt Nam thì ông bà sẽ giao cháu Kh lại cho chị H nuôi dưỡng. Đồng thời, ông bà không yêu cầu anh T và chị H phải trả tiền công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh từ trước đến nay và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị H hiện đang cư trú tại nước Nhật Bản nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Sỹ T đang cư trú tại nước Nhật Bản; trước xuất cảnh, chị H và anh T đều có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T hiện đang cư trú tại nước Nhật Bản. Nhưng vì tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên chị H và anh Tú không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị H và anh Tú đã ủy quyền cho anh Nguyễn Thế Q; địa chỉ cư trú: Xã Thịnh Thành, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An, Việt Nam nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Đồng thời, chị H và anh Tú đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Phan Văn Quảng và bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 04 tháng 10 năm 2015, là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, anh T đi xuất khẩu lao động tại nước Nhật Bản. Đến tháng 9/2018 chị H cũng đi xuất khẩu lao động sang nước Nhật Bản để sinh sống và làm việc cùng anh T. Chị H và anh T chung sống với nhau tại Nhật Bản đến tháng 12/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay; mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại, chị H và anh T đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị H nộp đơn xin ly hôn anh Tú tại Tòa án. Xét thấy, hôn nhân giữa Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phan Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T có 01 con chung. Nay ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận: Giao cho Chị Phan Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Sỹ Kh, sinh ngày 23/01/2016 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị H đang ở nước ngoài nên ông Phan Văn Quảng và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ của chị H) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Sỹ Kh chu đáo cho đến khi chị H về Việt Nam với cháu Kh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Sỹ T và Chị Phan Thị H thỏa thuận: Anh Tú có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do chị H không yêu cầu thi hành ngay nên việc thi hành khoản tiền cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Nguyễn Sỹ Tú phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T có 01 con chung;

Giao cho Chị Phan Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Sỹ Kh, sinh ngày 23/01/2016. Do chị H đang ở nước ngoài nên ông Phan Văn Quảng và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ của chị H) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Sỹ Kh chu đáo cho đến khi chị H về Việt Nam với cháu Kh. Anh Nguyễn Sỹ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Anh Nguyễn Sỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011824 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Phan Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Anh Nguyễn Sỹ T phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con (anh Tú chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H và Anh Nguyễn Sỹ T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Phan Văn Quảng và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Minh Th, Yên Thành, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh